| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC QUANG**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 06 - 3 - 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Hải Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đàm Thuyên

Bà Lý Thị Vui

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Chữ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

**Lù Văn S**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2000 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn C (đã chết) và bà Tráng Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 13/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

- *Bị hại:* ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1960; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/12/2018 Lù Văn S đi bộ từ nhà tắt theo đường mòn rừng phòng hộ phía sau nhà để đi sang xã H, huyện B bắt xe khách đi Hà Nội làm thuê. Khi đi đến thửa số 1148 tờ bản đồ số 2 rừng phòng hộ do Ủy bản nhân dân xã Q, huyện B quản lý thuộc thôn N, xã Q, huyện B, Lù Văn S thấy ở bên phải đường theo chiều đi của S có 03 con trâu của gia đình ông Nguyễn Văn N đang ăn cỏ (ông N thường xuyên thả con trâu của gia đình tại khu vực đó). S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S dùng tay phải cầm dây thừng dắt 01 con trâu đực, lông màu đen, bốn năm tuổi, cao 1,1 mét, chiều dài thân là 2,1 mét, sừng dài 43 cm, đang ăn cỏ cách đường mòn khoảng 5 mét đi theo đường mòn sang thôn T, xã H, huyện B để tìm người mua trâu. S dắt trâu đến trụ sở thôn T, xã H nhưng không tìm được người mua nên S dắt trâu quay lại theo đường cũ, khoảng 20 giờ cùng ngày S dắt trâu đến đồi chè của gia đình anh Hoàng Văn H, sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã H, S buộc trâu tại gốc sim cạnh đó rồi đi bộ theo đường cũ về nhà. Khoảng 09 giờ ngày 13/12/2018 S đi bộ từ nhà đến vị trí buộc trâu rồi dắt trâu đi theo đường bê tông ra cầu H thuộc thôn T, xã H, sau đó S dắt trâu ra đường Quốc lộ 2 theo hướng đi Tuyên Quang, rồi rẽ vào đường bê tông đi tắt ra bến đò Kh, xã V, huyện B mục đích đi tìm người mua trâu. Đến 15 giờ 40 phút khi S đang dắt trâu đến thôn Đ, xã H, huyện B thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận:

*"01(một) con trâu đực lông màu đen, khoảng bốn năm tuổi, trọng lượng cơ thể khoảng 200 kg, cao 1,1 m, chiều dài thân là 2,1 m, sừng dài 43 cm, vòng bụng 1,9 m, chiều dài ngang mông nơi rộng nhất 43 cm, có giá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) "*

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 09/CT-VKSBQ ngày 30/01/2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Lù Văn S về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lù Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lù Văn S từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ.

Ý kiến của người bị hại: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa người bị hại và người làm chứng vắng mặt, người bị hại Nguyễn Văn N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của người bị hại và người làm chứng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lù Văn S tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản sự việc; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B ngày 18/12/2018, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lù Văn S phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có nội dung quy định như sau:

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp theo biên bản định giá và kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện B là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy tài sản bị cáo trộm cắp là con trâu loại tài sản lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người nông dân, trị giá con trâu bị cáo đã trộm cắp là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Mặt khác, theo xác minh tại chính quyền địa phương, bị cáo thường vắng mặt tại địa phương, không cư trú ổn định. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định và không có điều kiện về tài sản. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Văn N đã nhận lại được tài sản là con trâu bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng đã thu giữ, quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lù Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lù Văn S **09** ***(Chín)*** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 13/12/2018).

3. Về án phí: Bị cáo Lù Văn S phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Q, huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Hải Hà**